TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **608**/2018/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 811/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Mai Ngọc D, sinh năm 1989 và bà Phan Bích Q, sinh năm 1990.

Cùng ngụ tại: Số 219, thôn Đ, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Ngọc D và bà Phan Bích Q thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông bà có 02 người con chung tên: Mai Ngọc Diệp A, sinh ngày 15/01/2015 và Mai Ngọc Khả H, sinh ngày 17/7/2017. Khi ly hôn, ông D và bà Q thỏa thuận đồng ý để bà Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung. Ông D cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng/con kể từ tháng 12/2018 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng phải chịu mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

[3]. Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về lệ phí: Ông D và bà Q tự nguyện nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí việc dân sự nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 001101 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Ngọc D và bà Phan Bích Q tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Mai Ngọc Diệp A, sinh ngày 15/01/2015 và cháu Mai Ngọc Khả H, sinh ngày 17/7/2017 cho bà Phan Bích Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục. Ông Mai Ngọc D phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng/con (Một triệu đồng/tháng/ con) kể từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Ông Mai Ngọc D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng phải chịu mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền số và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Mai Ngọc D và bà Phan Bích Q phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 001101, ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND xã B, huyện T (GCNKH số 262/BS, quyển số 02/2013, ngày 27/11/2013);
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Bá Đức